

Bản án số: 10/2020/HS-ST

Ngày 26/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Vĩ Bửu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Huỳnh Độ ;
2. Bà Quách Thị Bích Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Hoài – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Trần Vi Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại Phòng xử án A, trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần A T (tên gọi khác: Út), giới tính: Nam; sinh ngày xx/yy/19xx; nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: xx đường yy, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: xx ấp yy, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị N; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Bản án số 24/2000/HSST ngày 24/01/2000, chấp hành án đến ngày 22/7/2000 hết án tha. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2019 tại Nhà tạm giữ Công an Quận 11 (bị cáo có mặt).

Bị hại: Bà Nguyễn Thị K D, sinh năm 19xx; hộ khẩu thường trú: Đội xx, thôn yy, xã Nghĩa Dũng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở: xx đường yy, Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Huỳnh H P, sinh năm 19xx; địa chỉ: xx đường yy, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Trịnh H T, sinh năm 19xx; địa chỉ: xx đường yy, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Huỳnh T B, sinh năm 19xx; địa chỉ: xx đường yy, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 27/10/2004, Trần A T rủ Huỳnh H P và Huỳnh T B đi cướp giật tài sản để bán lấy tiền tiêu xài, do không đủ xe nên cả ba rủ thêm Trịnh H T đi cùng. Cả bốn người bàn bạc, phân công nhiệm vụ và thống nhất như sau: P điều khiển xe biển số: 52K3- 1208 của T, chở T có nhiệm vụ tìm người có tài sản để chiếm đoạt. B điều khiển xe (không rõ biển số) chở T có nhiệm vụ ngăn cản người dân truy đuổi. Sau khi bàn bạc xong thì cả nhóm điều khiển xe chạy qua nhiều tuyến đường để tìm người có tài sản sơ hở thì cướp giật nhưng trên đường đi thì bị lạc nhau. Đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 28/10/2004 B chở T quay về Phường 14, Quận 8 thì gặp lại P và T. Tại đây cả nhóm thống nhất đi chiếm đoạt tài sản tiếp. Sau đó, T, B, P, T lưu thông đến đầu hẻm số 159 đường Lò Siêu, Phường 8, Quận 11 thì B nhìn thấy chị Nguyễn Thị K D đang đi xe đạp ngược chiều, trên cổ chị D có đeo một sợi dây chuyền vàng nên cả nhóm thống nhất chiếm đoạt sợi dây chuyền của chị D. P điều khiển xe đi từ phía sau vượt lên áp sát vào bên trái chị D để T dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền của chị D. Theo phản xạ, chị D dùng tay giữ sợi dây chuyền lại làm cho sợi dây chuyền bị đứt vướng lại trên cổ áo chị D. P điều khiển xe chở T bỏ chạy. B chở T chạy phía sau cản đường người truy đuổi. Lúc này người dân đi đường nhìn thấy nên đẩy xe đạp ra cản làm cho xe P ngã xuống đường. P và T bỏ lại xe biển số 52K3-1208 đứng lên chạy bộ tẩu thoát. B chở T bỏ chạy thoát. Đến ngày 21/02/2005 Trịnh H T ra đầu thú, ngày 23/3/2005 Huỳnh T B ra đầu thú, ngày 25/3/2005 Huỳnh H P ra đầu thú. Cả ba khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Ngày 20/5/2005, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 11 kết luận điều tra vụ án hình sự, đề nghị Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 truy tố các bị can Trịnh H T, Huỳnh T B và Huỳnh H P trước pháp luật. Riêng Trần A T bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và Quyết định truy nã đối với Trần A T.

Tại Bản án số 1377/HSST ngày 16/09/2005 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt Huỳnh H P 02 năm tù, Trịnh H T 02 năm tù, Huỳnh T B 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Bị cáo Huỳnh T B kháng cáo, Bản án số 1897/HSPT ngày 18/11/2005 Tòa án phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử y án sơ thẩm. Ngày 18/9/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã bắt được Trần A T theo quyết định truy nã tại xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Trần A T đã khai nhận toàn bộ hành vi cùng đồng phạm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị K D như đã nêu trên.

Tại bản Kết luận số 81/KLĐGTS ngày 03/10/2019, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Quận 11 đã kết luận sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 01 chỉ tại thời điểm ngày 28/10/2004 là 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

Vật chứng của vụ án:

- 01 sợi dây chuyền vàng, Công an Phường 8, Quận 11 đã lập hồ sơ trả lại cho chị Nguyễn Thị K D.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã tiến hành xác minh, xác định xe Honda C90 màu xanh, biển số 52K3-1208, số máy: 1317024, số khung 1316980 do chị Nguyễn Thị Hoàng Yến, sinh năm 1971, địa chỉ: 586/2 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, là chủ sở hữu. Ngày 24/10/2004, chị Yến đã giao xe cho người làm công là Trịnh H T sử dụng để làm phương tiện chở hàng, sau đó T sử dụng làm phương tiện đi cướp giật, chị Yến không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định trả lại chiếc xe trên cho chị Yến.

Về dân sự: Bị hại là chị Nguyễn Thị K D đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKSQ11 ngày 06 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 truy tố bị cáo Trần A T tội danh “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp phạm tội “Có tổ chức” và “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm a, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần A T thừa nhận hành vi hành vi phạm tội của mình, có lời khai phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày lời luận tội và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo như sau:

- Áp dụng Điều 20; Điều 45; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm n khoản 1 Điều 48; điểm a, d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trần A T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Không có

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Nguyễn Thị K D đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định có tội:

Vào khoảng 04 giờ 30 phút ngày 28/10/2004, tại trước số nhà 159 đường Lò Siêu, Phường 8, Quận 11, bị cáo Trần A T đã cùng Nguyễn Hữu P, Trịnh H T và Huỳnh T B sử dụng xe mô tô đã công khai, bất ngờ giật sợi dây chuyền vàng trị giá 400.000 đồng của chị Nguyễn Thị K D rồi nhanh chóng tẩu thoát. Đối với Huỳnh H P, Huỳnh T B và Trịnh H T sau khi phạm tội đã ra đầu thú và đã bị xét xử, riêng bị cáo Trần A T đã bỏ trốn đến ngày 18/9/2019 mới bắt được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần A T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, có lời khai phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Trần A T đã phạm tội “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp phạm tội “Có tổ chức” và “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có hình phạt nghiêm khắc để trừng trị và giáo dục bị cáo, đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã rủ rê, xúi giục Huỳnh T B, sinh ngày xx/yy/19yy và Trịnh H T, sinh ngày xx/yy/19xx, là những người chưa thành niên phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không cần thiết phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Nguyễn Thị K D đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Không có.

[2] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 11, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 20; Điều 45; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm n khoản 1 Điều 48; điểm a, d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Tuyên bố bị cáo Trần A T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần A T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2019.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Trần A T chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND - VKSND TPHCM;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- CA TPHCM;
- VKSND Q.11;
- Công an Q.11;
- Chi cục THADS Q.11;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vương Vĩ Bửu